

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **108/2024/DS-ST**

Ngày 26 - 4 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tới.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Võ Hồng Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2024/TLST-DS ngày 19/01/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960.

Bà Trần Thị N, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Bảo D, sinh năm 1992

– Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 19/02/2024).

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Minh Q, sinh năm 1951.

Bà Trần Kim E, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Hồng P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông D có mặt. Ông Q, bà E, bà P có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Giữa vợ chồng ông S, bà N và vợ chồng ông Q, bà E có thỏa thuận chuyển

nhượng 01 phần đất có tổng diện tích 870,6 m² (Cụ thể: Hướng đông giáp phần đất của lại của hộ ông Võ Minh Q có diện tích 119,51 mét, hướng Tây giáp phần đất của vợ chồng ông S (đã chuyển nhượng cho ông Phước Văn T) có diện tích 119,90 mét, hướng Nam giáp Khu neo đậu trú bão 7,30 mét, hướng Bắc giáp Kênh Đê có diện tích 7,28 mét) – loại đất nuôi trồng thủy sản – thuộc thửa đất số 162 – tờ bản đồ số 7 – đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GNNQSDĐ) số: BR 309868 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2014 cho hộ ông Võ Minh Q; giá chuyển nhượng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); việc chuyển nhượng có lập giấy tay tại “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014*”; việc chuyển tên quyền sử dụng đất đối với phần đất chuyển nhượng thì 02 bên thỏa thuận, sau khi ký kết hợp đồng và thực hiện xong nghĩa vụ với nhau thì bên phía vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau để hợp đồng đo đạc đối với phần đất và thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng theo quy định và đăng ký chuyển tên cho vợ chồng ông S. Sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng thì vợ chồng ông S đã giao đủ toàn bộ số tiền chuyển nhượng 200.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q trực tiếp nhận, đồng thời đã nhận toàn bộ phần đất chuyển nhượng quản lý và sử dụng ổn định; sau đó giấy tay sang nhượng vào năm 2014 bị thất lạc, nên có ký lại “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/02/2022*” để làm cơ sở, hiện nay đã tìm lại được “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014*” và đã cung cấp cho Tòa án. Hiện nay, bên phía ông Q không thực hiện việc đo đạc và thực hiện chuyển tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông S theo quy định với lý do đất lên giá, có nhu cầu sử dụng đất và có yêu cầu chuộc lại đất, nên phát sinh tranh chấp. Ông D đã được nghe giải thích về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Nay ông D yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N với ông Võ Minh Q và bà Trần Kim E tại “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014*” đối với phần đất theo đo đạc thực tế 870,6 – loại đất nuôi trồng thủy sản – thuộc 01 phần thửa đất số 162 – tờ bản đồ số 7 (tương ứng 01 phần thửa đất số 276 – tờ bản đồ số 14 – bản đồ chỉnh lý năm 2023) – đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau theo GCNQSDĐ số: BR 309868 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2014 cho hộ ông Võ Minh Q là có hiệu lực pháp luật. Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu thì không yêu cầu xử lý hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Chi phí tố tụng nguyên đơn tự chịu.

- LỜI TRÌNH BÀY CỦA BỊ ĐƠN CÓ TẠI HỒ SƠ, THỂ HIỆN: Vợ chồng ông Q có 01 phần đất diện tích 2.365,2 m² – loại đất nuôi trồng thủy sản – tại thửa 162 – tờ bản đồ số 7 theo GCNQSDĐ số BR 309868 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2014 cho hộ ông Võ Minh Q – tài sản này là tài sản chung của vợ chồng ông Q, chứ không có liên quan gì quyền lợi của các con trong gia đình (gia đình ông Q gồm có vợ chồng và con gái là Võ Hồng P). Vào ngày 17/02/2022 vợ chồng ông Q có thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông S 01 phần đất có diện tích 870,6 m² với giá 200.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm giấy tay tại “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/02/2022*”. Sau khi ký kết hợp đồng thì vợ chồng

ông Q đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và đã giao đất cho vợ chồng ông S quản lý và sử dụng. Nhưng sau khi thực hiện xong việc chuyển nhượng thì vợ chồng ông Q nhận thấy giá chuyển nhượng là rẻ hơn so với giá thực tế người khác muốn nhận chuyển nhượng và con không đồng ý việc sang nhượng, nên không thực hiện thủ tục chuyển tên cho vợ chồng ông S. Hiện nay, vợ chồng ông Q muốn chuộc lại đất, nhưng vợ chồng ông S không đồng ý.

Yêu cầu Tòa án hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Q, bà E với ông S, bà N; vợ chồng ông Q đồng ý trả lại cho vợ chồng ông S 200.000.000 đồng và bồi thường 100.000.000 đồng, yêu cầu vợ chồng ông S giao trả lại phần đất.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ, thể hiện: Bà P là con của ông Q và bà E. Phần đất tranh chấp là tài sản chung của cha mẹ. Do gia đình hiện nay có nhu cầu sử dụng đối với phần đất, nên không đồng ý tiếp tục sang nhượng đất cho vợ chồng ông S. Thống nhất với yêu cầu của vợ chồng ông Q.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N công nhận “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014” được ký kết giữa ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N với ông Võ Minh Q, bà Trần Kim E đối với phần đất theo đo đạc thực tế 870,6 – loại đất nuôi trồng thủy sản – thuộc 01 phần thửa đất số 162 – tờ bản đồ số 7 (tương ứng 01 phần thửa đất số 276 – tờ bản đồ số 14 – bản đồ chỉnh lý năm 2023) – đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau theo GCNQSDĐ số: BR 309868 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2014 cho hộ ông Võ Minh Q là có hiệu lực pháp luật. Các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông S và bà N được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền và cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được công nhận nêu trên; buộc ông Võ Minh Q và bà Trần Kim E có nghĩa vụ giao GCNQSDĐ liên quan đến phần đất để thực hiện. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định tự nguyện chịu chi phí tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về án phí các đương sự được miễn theo quy định.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm phát sinh từ giao dịch hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị đơn, nên khởi kiện bị đơn yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã giao kết và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[3] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án thì xác định được giữa ông S, bà N (bên nhận chuyển nhượng) và ông Q, bà E (bên chuyển nhượng) có thỏa thuận chuyển nhượng 01 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 870,6 m² với giá 200.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có lập giấy tay tại “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014*” do các bên cùng ký kết, sau khi ký kết hợp đồng xong thì bên ông S và bà N đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho ông Q và bà E nhận và đã nhận đất sử dụng cho đến nay; sau đó giấy tay sang nhượng năm 2014 bị thất lạc, nên các bên có ký lại *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/02/2022*”. Trong quá trình thực hiện thủ tục tách thửa chuyển tên quyền sử dụng đất thì phát sinh tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] *Xét về đối tượng hợp đồng, điều kiện chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất:* Tại thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phần đất chuyển nhượng vợ chồng ông Q đã được cấp GCNQSDĐ, đất không tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án, đồng thời bà P là thành viên của hộ gia đình ông Q cũng xác định đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông Q; bên phía vợ chồng ông S không thuộc trường hợp không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên có căn cứ xác định các bên có đủ điều kiện để thực hiện để chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất theo quy định tại Điều 167, Điều 169, Điều 188, Điều 191 Luật đất đai.

[4.2] *Xét về hình thức, thủ tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hiệu lực của hợp đồng, về việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết và điều kiện công nhận hiệu lực của hợp đồng:* Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đã được lập thành văn bản, nhưng chưa được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 167 Luật đất đai, đồng thời chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và vào sổ địa chính theo quy định tại Điều 503 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, nên hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được ký kết là chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng các bên hoàn toàn có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc xác lập và thực hiện hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ được giao kết trong hợp đồng với nhau (cụ thể bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán đủ tiền chuyển nhượng, bên chuyển nhượng đã giao tài sản và quyền sử dụng đất). Do đó, cần công nhận hiệu lực hợp đồng được xác lập giữa các bên theo quy định tại khoản 1 Điều 127 Bộ luật dân sự thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên trong quan hệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã giao kết.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N công nhận “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014*” được ký kết giữa ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N với ông Võ Minh Q, bà Trần Kim E đối với phần đất theo đo đạc thực tế 870,6 – loại đất nuôi trồng thủy sản – thuộc 01 phần thửa đất số 162 – tờ bản đồ số 7 (tương ứng 01 phần thửa đất số 276 – tờ bản đồ số 14 – bản đồ chính lý năm 2023) – đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau theo GCNQSDĐ số: BR 309868 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2014 cho hộ ông Võ Minh Q là có hiệu lực pháp luật. Các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông S và bà N được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền và cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được công nhận nêu trên; buộc ông Võ Minh Q và bà Trần Kim E có nghĩa vụ giao GCNQSDĐ liên quan đến phần đất để thực hiện.

[5] *Xét về chi phí tố tụng*: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã nộp và thực hiện xong 10.160.000 đồng (Trong đó, chi phí xem xét, thẩm định 600.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 800.000 đồng, chi phí đo đạc 8.760.000 đồng), nên cần ghi nhận là đúng theo quy định tại các Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn dự nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết 326).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 127, Điều 502, Điều 503 BLDS; Điều 166, Điều 167, Điều 188, Điều 191 LDD; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N.

Công nhận “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/12/2014*” được ký kết giữa ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị N với ông Võ Minh Q, bà Trần Kim E đối với phần đất theo đo đạc thực tế 870,6 – loại đất nuôi trồng thủy sản – thuộc 01 phần thửa đất số 162 – tờ bản đồ số 7 (tương ứng 01 phần thửa đất số 276 – tờ bản đồ số 14 – bản đồ chỉnh lý năm 2023) – đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau theo GCNQSDĐ số: BR 309868 của UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/11/2014 cho hộ ông Võ Minh Q là có hiệu lực pháp luật.

Các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị N được thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công nhận nêu trên.

Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Cà Mau thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền và cấp GCNQSDĐ đối với phần đất được công nhận nêu trên; buộc ông Võ Minh Q và bà Trần Kim E có nghĩa vụ giao GCNQSDĐ liên quan đến phần đất để thực hiện.

(Diện tích tứ cận cụ thể và vị trí của phần đất có bản vẽ hiện trạng ngày 13/3/2024 của Công ty TNHH MTV T1 thể hiện kèm theo bản án này).

2. Chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S bà Trần Thị N tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng 10.160.000 đồng (Trong đó, chi phí xem xét, thẩm định 600.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 800.000 đồng, chi phí đo đạc 8.760.000 đồng) đã nộp và thực hiện xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục thuế huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải